

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 40/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Chị Tạ Thu T – sinh năm 1995 (CCCD số 025195009992); nơi thường trú: thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Bị đơn: Anh Trịnh Minh Đ – sinh năm 1993 (CCCD số 054093009473), nơi thường trú: thôn H, xã X, thị xã S, tỉnh Phú Yên.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2025.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 4 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Tạ Thu T với anh Trịnh Minh Đ.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Chị Tạ Thu T trực tiếp nuôi dưỡng Trịnh Minh P – sinh ngày 05/5/2020. Anh Trịnh Minh Đ có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi Trịnh Minh P số tiền 1.500.000đ/tháng (một triệu năm trăm nghìn đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng kể từ ngày 15/4/2025.

Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt theo quy định tại Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Anh Trịnh Minh Đ có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Chị Tạ Thu T, anh Trịnh Minh Đ có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con, người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 và Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

Về án phí: Chị Tạ Thu T tự nguyện chịu 150.000đ án phí hôn nhân gia đình và 150.000đ án phí cấp dưỡng, được khấu trừ 300.000đ đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 543 ngày 11/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Sông Cầu, tỉnh Phú Yên.

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Phú Yên;
- VKSND thị xã Sông Cầu;
- Chi cục THADS thị xã Sông Cầu;
- UBND xã Xuân Thịnh, thị xã Sông Cầu (cập nhật hộ tịch);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Phạm Việt Triều